

NGÔN NGỮ CỬ CHỈ CỦA NGƯỜI DẠY TRONG LỚP HỌC NGOẠI NGỮ: TRƯỜNG HỢP CÁC GIÁO VIÊN KHOA TIẾNG PHÁP, TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

THE BODY LANGUAGE OF FOREIGN LANGUAGE TEACHERS IN THE CLASS ROOM: THE CASE OF FRENCH DEPARTMENT TEACHERS OF THE UNIVERSITY OF FOREIGN LANGUAGE STUDIES, UNIVERSITY OF DANANG

TRẦN GIA NGUYỄN THY

(ThS; Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng)

Abstract: The article identifies and describes the body language that teachers of the French Department of University of Foreign Language Studies, the University of Danang often used in the classroom and synthesizes the results of the survey on thoughts, evaluation of students about the role, the impact of the body language of teachers to the communication effects between students and teachers in the classroom. Survey results were the basis for the author to give some suggestions to improve the efficiency of communication between teachers and learners in foreign language classes and enhance vitality of the class.

Key words: body language; teachers; foreign language classes; French.

1. Đặt vấn đề

1.1. Nói đến ngôn ngữ, ta thường nghĩ ngay đến các kĩ năng giao tiếp nghe, nói, đọc, viết. Tuy nhiên, ngoài ngôn từ, trong giao tiếp người ta cũng rất hay sử dụng các điệu bộ hay còn gọi là ngôn ngữ cử chỉ. Người dạy trong lớp học ngoại ngữ cũng không phải là một ngoại lệ. Trong thực tế giảng dạy nhiều năm ở Khoa tiếng Pháp Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng, chúng tôi đã ghi nhận một điều là, bên cạnh những giáo cụ hình ảnh, nhiều giáo viên còn sử dụng nhiều cử chỉ điệu bộ trong quá trình giảng dạy của mình. Vậy những cử chỉ, điệu bộ đó có những đặc điểm, nội dung và mục đích gì, có vai trò như thế nào trong việc dạy và học tiếng Pháp, đó là những câu hỏi thúc đẩy tôi thực hiện nghiên cứu này.

1.2. Từ lâu các nhà tâm lí học, xã hội học, ngôn ngữ học đã chú ý đến cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, thái độ của con người trong hoạt động giao tiếp và coi đó là những hiện tượng phi ngôn từ nhưng có tác dụng thường xuyên hỗ trợ cho sự diễn đạt ý tưởng, tình cảm bằng lời nói cụ thể, trực quan và biểu cảm hơn.

1) Ngôn ngữ cử chỉ là tài sản văn hóa riêng của từng cộng đồng dân tộc và phục vụ riêng cho từng cộng đồng nhưng nó lại mang nhiều nét chung cho cả loài người. Bộ phận ngôn ngữ cử chỉ tương đồng giữa các dân tộc lớn hơn nhiều so với phần dị biệt. Chẳng hạn, ở hầu hết các cộng đồng các cử chỉ “cúi đầu” là kính chào, “gật đầu” là đồng ý, “phẩy tay” hay “xua tay” là không đồng ý (trừ người Bungari “lắc đầu” là đồng ý, mà “gật đầu” là không đồng ý!).

2) Cũng như ngôn từ, ngôn ngữ cử chỉ cũng diễn ra quá trình tiếp xúc và vay mượn giữa các dân tộc, cộng đồng. Chẳng hạn, người Việt từng tiếp nhận cử chỉ “bất tay”, “ngã mũ” chào của phương tây và ngày nay, tiếp tục tiếp nhận và sử dụng các cử chỉ khác như: cử chỉ “day day ngón tay cái vào đầu ngón tay trỏ và ngón giữa” (nghĩa là “có tiền”), “nắm tay lại chĩa ngón tay cái thẳng lên” (là “rất tốt”), “kẹp ngón tay cái và ngón trỏ lại, đưa lên ngang miệng rồi gạt sang một bên” (nghĩa là “rất ngon”),...

3) Ngôn ngữ cử chỉ mang tính ước lệ của xã hội rất cao. Bởi vậy mỗi ngôn ngữ cử chỉ có thể biểu đạt chính xác ý nghĩa trong từng hoàn cảnh, từng tình huống giao tiếp cụ thể. Chẳng hạn, cử chỉ “nhếch mép cười” có biết bao ý nghĩa gần nhau, thậm chí trái ngược nhau, cho nên phải căn cứ vào tình huống giao tiếp mới hiểu đúng được nội dung.

4) Các nhà nghiên cứu cử chỉ đã đưa ra cách hiểu cử chỉ theo chức năng mà nó thể hiện ở các mức độ giao tiếp khác nhau. Chẳng hạn:

Ở mức độ phát ngôn, cử chỉ đảm nhận chức năng ngữ nghĩa để phân biệt những cử chỉ có thể thay thế cho lời nói, được gọi là những “cái tựa ngôn ngữ” (quasi-linguistique) hay những biểu tượng (emblèmes) với những cử chỉ minh họa cho lời nói được gọi là những minh họa (illustratifs) (De Jorio 1832, Efron 1941,...).

Ở mức độ tương tác, cử chỉ ngôn ngữ thể hiện sự phối hợp sự giao tiếp. Cách thực hiện (tạo nên) lời nói sẽ ảnh hưởng đến cách cư xử của người nghe. Người ta dùng thuật ngữ “người điệu bộ” (synchronisateurs) để chỉ những cử chỉ của người nói (tự điệu bộ: auto synchronisation) hay của người.

Ở quá trình phát ngôn chỉ liên quan đến người nói, cử chỉ ngôn ngữ có hai mặt và bổ

sung cho nhau theo chức năng mà chúng đảm nhận, một mặt tạo điều kiện cho việc nhận thức, và mặt khác, xét về mặt cảm xúc, sự điều hòa bình ổn (régulation homéostatique; Watson, 1927).

2. Khảo sát và kết quả

2.1. Để thu thập dữ liệu nghiên cứu, chúng tôi đã sử dụng phương pháp thực nghiệm, quan sát thực tế: Dự giờ một số thầy cô giáo của Khoa tiếng Pháp của trường để quan sát những cử chỉ, điệu bộ mà họ thường sử dụng trong quá trình giảng dạy. Đồng thời, chúng tôi cũng đã tiến hành một cuộc khảo sát với các em sinh viên khóa 2014 của Khoa này nhằm tìm hiểu cách nhìn nhận của các em về vai trò của ngôn ngữ cử chỉ mà giáo viên đã sử dụng trong quá trình giảng dạy.

Kết quả của quan sát, chúng tôi đã thống kê được một số ngôn ngữ cử chỉ mà giáo viên thường dùng trong lớp học như sau:

Nhấn mặt: tỏ vẻ khó chịu; **Lắc đầu:** sinh viên trả lời sai câu hỏi; **Khoát tay:** cho phép sinh viên ngồi xuống; **Nheo mắt:** lắng nghe câu trả lời của sinh viên; **Đạp chân xuống đất:** tỏ vẻ hài lòng; **Vỗ tay:** khen ngợi sinh viên; **Nhướn mày, trợn mắt:** sinh viên không thuộc bài; **Gãi gãi lên mũi:** cố tìm từ giải thích cho sinh viên hiểu; **Đề một ngón tay nơi lỗ tai:** khi yêu cầu sinh viên lắng nghe; **Đề một ngón tay lên mắt:** yêu cầu sinh viên quan sát; **Ngón tay cái đưa lên, 4 ngón còn lại nắm lại:** chứng tỏ sinh viên là số 1; **Ngón tay cái và ngón trỏ đánh vào nhau thành tiếng kêu:** chứng tỏ điều gì đó tuyệt vời, tuyệt hảo; **Đề ngón trỏ lên miệng:** yêu cầu sinh viên yên lặng; **Gật gật đầu:** khi đồng ý điều gì đó; **Nhướn mày:** sinh viên phát biểu một cách khó hiểu; **Chu miệng thành chữ O:** ngạc nhiên.

Ngoài ra, các giáo viên còn sử dụng các cử chỉ, điệu bộ Pháp để diễn tả tình cảm thái

độ trong giờ dạy. Có thể minh họa như sau:



Chỉ giáo



Bớt ruột



Thất vọng



Đuối bả



Chén nín



Bật ngò



Ngạc nhiên



Nhẹ nhõm

2.2. Để tìm hiểu những suy nghĩ và đánh giá của của sinh viên về vai trò, tác động của ngôn ngữ cử chỉ của giáo viên đến hiệu quả giao tiếp giữa sinh viên và giáo viên trong lớp học, chúng tôi đã tiến hành một cuộc điều tra khảo sát dưới dạng một bảng câu hỏi với 79 sinh viên khoá 2014 của Khoa tiếng Pháp Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng và thu thập được các kết quả như sau:

a) 100% các em học sinh thích thầy cô giáo dạy tiếng Pháp của mình sử dụng cử chỉ, điệu bộ trong quá trình giảng dạy; b) 82% các em học sinh hiểu được nội dung các ngôn ngữ cử chỉ mà các thầy cô dạy tiếng Pháp của mình sử dụng; c) 50,8% các em học sinh hiểu được ngôn ngữ cử chỉ mà giáo viên tiếng Pháp khác (không phải thầy cô dạy các em) sử dụng.

Thực vậy, đặc trưng thứ ba của ngôn ngữ cử chỉ là “tính ước lệ” đã giải thích điều đó. Chẳng hạn, quan sát thấy một giáo viên thường “đạp mạnh chân xuống đất”, chúng

tôi nghĩ là, chắc thầy làm vậy để nhắc nhở các em nào nói chuyện không tập trung nghe thầy giảng bài. Nhưng, khi hỏi ý kiến các em học sinh thì lại không phải như vậy, “thầy làm vậy có nghĩa thầy khen tụi em giỏi, chăm chú nghe thầy giảng bài, làm thầy hăng say, dạy không biết mệt, thầy đạp chân càng mạnh có nghĩa là thầy càng bằng lòng về tụi em”.

Kết quả khảo sát và phỏng vấn cũng giúp chúng tôi hiểu được vì sao sinh viên thích thầy cô giáo dạy tiếng Pháp của mình sử dụng ngôn ngữ cử chỉ trong quá trình giảng dạy.

- Những cử chỉ, điệu bộ giúp các em hiểu rõ hơn những gì mà thầy cô giáo truyền đạt. Chẳng hạn, để giải thích nghĩa của động từ “marcher” thầy giáo “bước đi trước lớp” hay “bước qua bước lại” và các em hiểu “marcher” có nghĩa là “bước”.

- Khi sử dụng cử chỉ điệu bộ trong quá trình giảng dạy, thầy cô có vẻ tự nhiên hơn. Chẳng hạn, các em trả lời câu hỏi đúng, thầy

cô “vỗ tay” hoan hô các em, ngược lại trả lời sai thầy cô “nhấn mặt” hay “lắc đầu”. Ngoài ra, nhờ cử chỉ, điệu bộ, thầy cô còn lôi cuốn được lớp học hào hứng học tập, phát biểu ý kiến. Chẳng hạn, để giải nghĩa động “fumer”, thầy dùng hai ngón tay (ngón trỏ và ngón giữa) bỏ lên miệng rồi đưa ra, hầu như các em đều hiểu động từ này có nghĩa là “hút thuốc”. Bất chợt có một em học sinh đứng dậy: “Thưa thầy, để bảo người khác im lặng, thầy chỉ cần đưa một ngón tay lên miệng là đủ, cần gì phải hai ngón”. Thì ra em này hiểu nhầm, tưởng “fumer” có nghĩa là “im lặng” và cả lớp đầy ắp tiếng cười.

Như đã biết, mỗi người có thể có những cách sử dụng cử chỉ riêng. Chẳng hạn, cũng để diễn đạt ý không bằng lòng với câu trả lời của học sinh, có thầy thì “lắc đầu”, có thầy thì “nhấn mặt”, có thầy “chu miệng chữ O”.

Cũng cần nói thêm là, không phải chỉ sử dụng ngôn ngữ cử chỉ thì giáo viên mới thành công. Bởi, cũng có những giáo viên ngồi im lặng một chỗ, chỉ đứng lên viết bài lên bảng, không sử dụng cử chỉ điệu bộ, nhưng họ vẫn quan sát được cả lớp và lôi kéo được sự tham gia bài học của các em nhưng chỉ với các lớp có ý thức, động cơ học tập mạnh mẽ, rõ ràng mà thôi. Nếu có thể, giáo viên nên kết hợp cử chỉ điệu bộ với lời nói để học sinh hiểu được một cách dễ dàng hơn mục tiêu giao tiếp và nội dung của bài học. Chẳng hạn để giải thích nghĩa của tính từ “gros” (mập, béo), một giáo viên làm điệu bộ “giang hai tay trước mặt song song với nhau tạo nên một khoảng cách khá dài”, một mặt giáo viên giải thích bằng lời nói “*Je mange beaucoup, alors, je deviens gros*” (Tôi ăn nhiều nên tôi béo).

3. Kết luận

Ngôn ngữ cử chỉ nếu được khai thác và ứng dụng hợp lý vào việc dạy và học ngoại ngữ sẽ tạo điều kiện cho người học tiếp thu

ngôn ngữ nói nhanh hơn, hứng thú hơn và do đó cũng khiến cho người học chủ động hơn, tự tin hơn khi cần giao tiếp với người nước ngoài ngay từ khi nghe nói chưa được bao nhiêu. Đã từ lâu một số phương pháp như phương pháp trực tiếp đã lợi dụng triệt để thế mạnh này của ngôn ngữ cử chỉ trong dạy ngoại ngữ. Dạy ngoại ngữ với phương pháp này, người dạy dựa vào các cử chỉ, điệu bộ, hình ảnh, tranh vẽ để giảng dạy. Mọi cử chỉ ngôn ngữ đều có những ý nghĩa nhất định, do vậy giáo viên cũng dần dần hình thành một hệ thống ngôn ngữ cử chỉ riêng biệt phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh mình đang dạy. Một khi sinh viên đã hiểu được một số ngôn ngữ cử chỉ đặc trưng trong ngôn ngữ Pháp, giáo viên có thể sử dụng các cử chỉ lặp đi lặp lại nhiều lần, thay thế hẳn cho lời nói.

Giáo viên người Việt khi dạy tiếng Pháp sẽ ít nhiều có ảnh hưởng đến ngôn ngữ cử chỉ của người Pháp. Qua giáo viên, sinh viên học thêm những đặc trưng ngôn ngữ văn Pháp, đồng thời ngôn ngữ cử chỉ tiếng Việt cũng được vận dụng tối đa trong một giờ học tiếng Pháp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc dạy và học ngoại ngữ này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Calbris.G et Porcher.L (1989), *Gestes et communication*, Nxb Hatier-Crédif, Paris.
2. Danilo.M et Penformis.J.L (1998), *Le français de la communication professionnelle*, 1998, Nxb Clé International, Paris.
3. Đặng Vũ Hoạt - Hà Thế Ngữ (1993), *Giáo dục học*, Tập một - Phần một, Nxb Giáo dục. Hà Nội.
4. Lê Khả Kế (1992), *Tự điển Pháp-Việt*, Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội.
5. Phạm Minh Hạc, Lê Khanh, Trần Trọng Thủy, Phạm Hoàng Gia (1993), *Tâm lý học*, Tập hai - Phần một, Nxb Giáo dục. Hà Nội.